

Thứ hai, ngày 1 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 02/10/2018			•
Tuần 1/10-5/10/2018		•	
Tháng 9/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, biến động và giảm nhẹ ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+2.32 điểm); MSN (+0.39 điểm); PLX (+0.24 điểm); STB (+0.2 điểm); VIC (+0.19 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-2.41 điểm); VRE (-0.68 điểm); CTG (-0.57 điểm); VCB (-0.55 điểm); TCB (-0.54 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu được phẩm và dầu khí, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4945.7 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 10.99 điểm. Thị trường có 122 mã tăng và 178 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 4.25 điểm, đóng cửa tại 1012.88 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.76 điểm xuống 115.52 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 89.55 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (119.38 tỷ), STB (115.9 tỷ) và GAS (31.08 tỷ). Tuy nhiên, họ bán ròng 13.83 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, nhóm cổ phiếu dầu khí như PVD, GAS, PLX và nhóm ngân hàng như CTG, VCB, HDB, STB tiếp tục hút dòng tiền mạnh, nhóm bluechips như VIC, HPG, MWG và PNJ cũng hỗ trợ tích cực cho thị trường. Trong phiên chiều, lực chốt lời lan rộng khắp thị trường khiến chỉ số biến động và có mức giảm nhẹ. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục hỗ trợ mạnh thị trường dù lực chốt lời đã làm suy giảm đà tăng của nhóm này ở phiên sáng. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay và duy trì khối lượng mua lớn ở STB và HPG. Trên quan điểm của BSC, thị trường đang có phiên điều chỉnh ngắn hạn với thanh khoản tiếp tục được duy trì ở mức tích cực để tạo đà hồi phục và tăng trưởng ở các phiên sau.

Phân tích kỹ thuật:

HUT_Tăng giá ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

1012.88

Giá trị: 4945.73 tỷ

-4.25 (-0.42%)

Khối ngoại (ròng): 89.55 tỷ

HNX-INDEX

115.52

Giá trị: 759.8 tỷ

-0.76 (-0.65%)

Khối ngoại (ròng): -13.83 tỷ

UPCOM-INDEX

54.14

Giá trị: 519.9 tỷ

-0.07 (-0.13%)

Khối ngoại (ròng): -29.8 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.4	0.14%
Giá vàng	1,185	-0.59%
Tỷ giá USD/VND	23,311	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,076	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	20,471	-0.19%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	119.4	VIC	56.0
STB	115.9	MSN	41.1
GAS	31.1	VJC	35.5
PLX	18.7	VHM	11.3
KDH	10.9	CII	10.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Danh mục khuyến nghị

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

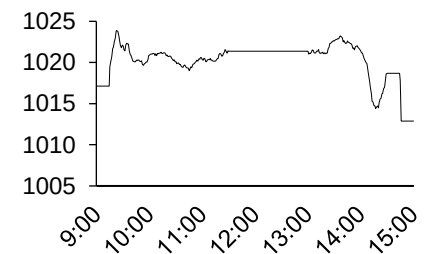
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
STB	13.6	13.9	12	14	MUA	Tăng giá kéo dài
HPG	12.6	42.4	37	43	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	7.7	27.1	26	28	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VRE	6.0	40.8	37	41	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VPB	5.7	26.4	24	27	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
SHB	5.6	9.0	8	9	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	5.5	98.5	96	103	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VCB	5.3	62.5	60	66	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	5.2	93.9	89	97	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MBB	5.3	23.1	22	24	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

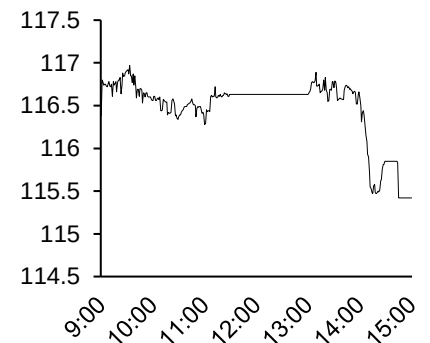
Phân tích kỹ thuật

HUT_Tăng giá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dưới đường trung tâm
- Chỉ báo RSI: Vượt ngưỡng quá mua.
- Đường MA: Đường MA 20 đang hội tụ với MA50, cả 2 đường này nằm dưới MA 200.

Nhận định: Cổ phiếu HUT đang bứt phá sau giai đoạn tích lũy từ đầu tháng 6 và có tín hiệu bứt phá vào gần cuối tháng 09. Hiện tại, thanh khoản cổ phiếu chỉ cao hơn trung bình một ít sau phiên bứt phá mạnh vào ngày 24/09. Hiện tại, độ dốc đường MA 20 vẫn khá thấp và chỉ mới hội tụ với MA 50, báo hiệu xu hướng tăng giá vẫn tiếp tục. Tuy nhiên việc đường MACD, phân kỳ dưới đường trung tâm cho thấy cổ phiếu có thể sẽ tiến vào giai đoạn tích lũy tiếp ngay sau đợt tăng giá gần đây. Như vậy, HUT sẽ hoàn toàn có thể vượt được ngưỡng 6.2 và tiến tới tích lũy quanh ngưỡng này để kiểm tra ngưỡng kháng cự tâm lý tại 7.5.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1810	984.9	-0.3%	-16.1%
VN30F1811	985.0	-0.1%	16.5%
VN30F1812	985.0	-0.3%	81.0%
VN30F1903	985.0	-0.3%	-5.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	14	2.6	1.0
MSN	94	1.2	0.8
GAS	120	3.4	0.6
HPG	42	0.2	0.2
VIC	99	0.2	0.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	41	-3	-1.7
VJC	149	-2	-1.4
VPB	26	-1	-1.0
NVL	65	-3	-0.9
VNM	136	-1	-0.6

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	36.50	11.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.30	21.4%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	24.45	-3.0%	23.2	29.0
Trung bình					10.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	23.10	67.4%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	42.40	66.5%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	69.50	65.9%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	28.60	-2.7%	27.9	40.0
Trung bình					49.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	18.9	70.3%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	33.7	4.0%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	105.1	0.1%	95.0	125.0
Trung bình					24.8%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	127.0	-0.2%	0.6	1,783	2.7	8,472	15.0	5.5	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	105.1	-0.4%	0.9	741	2.8	5,110	20.6	5.1	49.0%	33.9%	
BVH	Bảo hiểm	97.0	-1.0%	1.5	2,956	0.3	1,831	53.0	4.5	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	33.5	-0.6%	0.8	337	0.1	1,984	16.9	1.1	43.9%	7.7%	
VIC	Bất động sản	98.5	0.2%	1.1	13,668	5.5	1,292	76.2	7.0	7.5%	11.2%	
VRE	Bất động sản	40.8	-2.7%	1.1	3,368	6.0	791	51.5	3.0	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	64.8	-2.6%	0.8	2,557	1.5	2,534	25.6	4.2	8.4%	18.7%	
REE	Bất động sản	36.5	-1.1%	1.0	492	1.5	5,319	6.9	1.3	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	29.0	-3.7%	1.5	441	7.0	2,870	10.1	2.4	47.5%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	33.2	-0.9%	1.3	722	3.9	2,585	12.8	1.8	56.3%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	64.2	-0.9%	1.0	455	0.5	4,289	15.0	3.4	40.7%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	69.5	0.7%	1.3	391	0.8	6,129	11.3	3.1	61.2%	29.3%	
FPT	Công nghệ	46.0	-0.6%	0.9	1,227	1.0	5,094	9.0	2.4	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	54.0	3.8%	0.4	531	0.0	3,453	15.6	4.0	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	119.6	3.4%	1.6	9,953	2.5	5,796	20.6	5.3	3.6%	27.4%	
PLX	Dầu khí	71.6	0.8%	1.5	3,607	2.8	3,254	22.0	4.4	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	23.3	0.4%	1.8	453	5.3	1,620	14.4	1.0	20.2%	6.8%	
BSR	Dầu khí	20.2	1.0%	0.8	2,723	4.8	#N/A	N/A	#N/A	N/A	38.6%	23.0%
DHG	Dược	100.0	0.0%	0.5	568	2.4	4,035	24.8	4.5	47.2%	18.4%	
DPM	Hóa chất	19.8	2.1%	1.0	337	1.4	1,444	13.7	1.0	20.5%	8.0%	
DCM	Hóa chất	11.0	0.0%	0.6	253	0.7	790	13.9	0.9	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	62.5	-0.8%	1.4	9,777	5.3	3,140	19.9	3.8	20.9%	20.5%	
BID	Ngân hàng	34.8	-1.3%	1.7	5,165	2.6	2,329	14.9	2.4	2.5%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	27.1	-1.8%	1.6	4,379	7.7	2,085	13.0	1.5	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	26.4	-1.5%	1.2	2,820	5.7	2,663	9.9	2.3	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	23.1	0.0%	1.3	2,170	5.3	2,113	10.9	1.7	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	33.7	-1.2%	1.2	1,827	5.2	2,887	11.7	2.3	30.0%	21.7%	
BMP	Nhựa	62.8	-1.1%	0.8	224	0.7	5,642	11.1	2.2	76.0%	19.6%	
NTP	Nhựa	51.8	4.9%	0.4	201	0.0	4,932	10.5	2.2	23.1%	22.0%	
MSR	Tài nguyên	21.9	-1.4%	1.2	856	0.1	229	95.7	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	42.4	0.2%	0.9	3,915	12.6	4,210	10.1	2.5	39.1%	30.1%	
HSG	Thép	12.7	0.4%	1.4	213	4.7	1,861	6.8	0.9	19.8%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	136.3	-0.7%	0.6	10,320	3.0	5,065	26.9	9.1	59.1%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	222.2	-0.1%	0.8	6,195	0.2	7,082	31.4	9.1	9.7%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	93.9	1.2%	1.1	4,300	5.2	5,370	17.5	5.8	28.7%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.6	-2.8%	0.8	444	3.7	1,053	19.6	1.6	8.5%	11.1%	
ACV	Vận tải	83.0	-3.7%	0.8	7,857	0.1	1,883	44.1	6.6	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	148.5	-2.0%	1.1	3,497	8.0	9,463	15.7	7.6	24.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	41.0	-0.7%	1.7	2,228	1.6	1,727	23.7	3.4	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	26.9	-0.2%	0.9	347	1.2	6,218	4.3	1.3	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	18.9	0.0%	0.8	231	0.3	2,168	8.7	1.4	34.3%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	97.0	1.0%	1.0	675	1.5	5,657	17.1	5.7	2.5%	46.4%	
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	-2.6%	0.9	363	2.0	1,309	14.2	1.3	25.1%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	2.0%	0.6	254	0.4	1,537	10.0	1.1	4.7%	10.9%	
CTD	Xây dựng	164.8	-0.7%	0.8	561	1.3	20,360	8.1	1.7	43.9%	22.5%	
VCG	Xây dựng	18.6	-3.1%	1.5	357	2.8	2,715	6.9	1.3	10.6%	19.2%	
CII	Xây dựng	27.2	0.2%	0.6	289	1.7	(39)	#N/A	N/A	1.4	55.4%	-0.2%
POW	Điện	16.5	-1.2%	0.6	1,680	2.5	1,026	16.1	1.4	70.3%	9.1%	
NT2	Điện	26.1	-0.9%	0.7	327	0.3	2,912	9.0	2.1	21.4%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	119.60	3.37	2.32	493290.00
MSN	93.90	1.19	0.40	1.29MLN
PLX	71.60	0.85	0.24	905790.00
STB	13.85	2.59	0.21	22.13MLN
VIC	98.50	0.20	0.20	1.27MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	103.10	-2.74	-2.42	523580.00
VRE	40.75	-2.74	-0.68	3.31MLN
CTG	27.05	-1.81	-0.58	6.46MLN
VCB	62.50	-0.79	-0.56	1.93MLN
TCB	28.65	-1.72	-0.54	2.82MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.00	7.00	0.01	11170.00
SHA	7.04	6.99	0.00	60200.00
COM	59.80	6.98	0.02	1070.00
HVX	4.00	6.95	0.00	5630.00
BTT	37.05	6.93	0.01	30.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KAC	7.35	-6.96	0.00	10.00
TGG	14.70	-6.96	-0.01	169430.00
SPM	13.40	-6.94	0.00	1990.00
MCG	3.36	-6.93	0.00	59660.00
TCD	12.85	-6.88	-0.01	5030.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NTP	51.80	4.86	0.07	20733.00
HUT	6.20	5.08	0.06	4.74MLN
VCS	97.00	1.04	0.03	352457.00
DNP	15.10	4.14	0.03	2300.00
PVS	23.30	0.43	0.02	5.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	33.70	-1.17	-0.51	3.24MLN
SHB	9.00	-1.10	-0.11	14.21MLN
VGC	18.60	-2.62	-0.10	2.29MLN
VCG	18.60	-3.13	-0.04	2.76MLN
ART	10.10	-3.81	-0.04	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

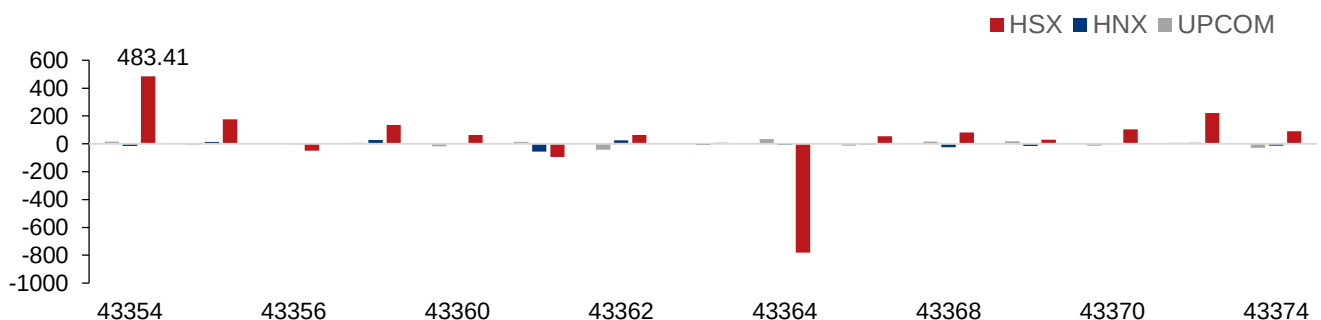
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.80	14.29	0.00	65000.00
TV4	19.80	10.00	0.01	31342.00
VGP	21.20	9.84	0.01	100.00
KST	17.90	9.82	0.00	100.00
VSA	19.10	9.77	0.01	1140.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BED	36.00	-10.00	0.00	100.00
API	17.20	-9.95	-0.03	274800.00
SRA	26.30	-9.93	-0.01	63800.00
VNT	27.10	-9.67	-0.01	7500.00
CTT	7.80	-9.30	0.00	200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.8	170	87.2	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.1	2,912	9.0	2.1	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.5	1,003	14.5	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	28.0	-831	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	33.7	2,887	11.7	2.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	42.2	5,570	7.6	1.4	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	17.5	1,035	16.9	1.5	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	18.9	2,168	8.7	1.4	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	42.4	4,210	10.1	2.5	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	29.0	2,870	10.1	2.4	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.8	2,847	5.9	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	36.8	5,765	6.4	2.0	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	46.0	5,094	9.0	2.4	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	62.5	3,140	19.9	3.8	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	23.3	1,620	14.4	1.0	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	23.1	2,113	10.9	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	164.8	20,360	8.1	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.1	-697	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	102.8	18,378	5.6	1.6	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	105.1	5,110	20.6	5.1	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

